

Bản án số: 69/2023/DS-PT.

Ngày 24/4/2023

*V/v Tranh chấp chia tài sản chung và
chia di sản thừa kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị H1 Giang

Ông Nguyễn Việt Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLPT-DS ngày 12/4/2022 về việc: “Yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2022; Các quyết định hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Ông Vũ Viết T sinh năm 1937; trú tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Ông Trần Văn Sáng, sinh năm 1981; Địa chỉ thôn Phúc Thành, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Luật sư Công ty Luật TNHH Hiệp Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

+ ***Bị đơn:*** Ông Vũ Viết Đ sinh năm 1965; trú tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Do anh Vũ Viết Ph, sinh năm 1983; trú tại tổ dân phố Hạnh, PH2 Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội đại diện theo ủy quyền. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Viết Đ, bà Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị N, anh Vũ Viết Ph, Vũ Viết Hương: Luật sư Vy Văn Minh – Công ty luật TNHH Vietnew; Địa chỉ 156 phố Trần Vỹ, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1964; trú tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Chị Vũ Thị Hiền sinh năm 1978 (có mặt)

3. Anh Vũ Viết Hương sinh năm 1985 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

4. Chị Nguyễn Thị H2 sinh năm 1973 (vắng mặt)

5. Anh Vũ Viết Ph sinh năm 1983 (có mặt)

Đều trú tại dân phố Hạnh, pH2 Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

6. Chị Vũ Thị H3 sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Chàng 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Vũ Thị N sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Lương, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

8. UBND huyện Lục Nam do bà Trần Thị Oanh - Cán bộ hội phụ nữ huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền.

9. UBND xã Vô Tranh do ông Bùi Quang Chúc - Chủ tịch đại diện.

Người kháng cáo ông Vũ Viết Đ, bà Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị H1, Vũ Thị H3, anh Vũ Viết Ph là bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Viết T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị X có 05 con chung, lần lượt là Vũ Viết Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị Hiền, không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Năm 2005 bà Nguyễn Thị X chết không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông tạo dựng được khối tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Thửa đất ở, đất vườn có diện tích 2610m² (kết quả đo lại ngày 25/10/2022 là 2794,4m²) trong đó có 400m² đất ở, 2394,4m² tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vũ Viết T.

- Thửa đất rừng có diện tích là 8684m² thuộc thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/2003 cho hộ ông Vũ Viết T. Thửa đất này năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi một phần để làm đường, diện tích còn lại theo quả thực đo lại ngày 25/10/2022 là 5580,5m². Trên đất có 01 nhà cấp 4 loại 2 diện tích 36,4m² hiện nay ông sinh sống.

Nguồn gốc 2 thửa đất trên là do vợ chồng ông khai hoang vỡ hóa được. Khi đó các con vẫn còn nhỏ, nên không có công sức đóng góp gì đối với 2 diện tích đất trên.

Các tài sản này hiện ông đang quản lý sử dụng, ông yêu cầu chia 2 thửa đất thành 2 phần bằng nhau, một phần là của ông, phần còn lại là của bà X thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ông không chấp nhận chia 2 thửa đất trên theo yêu cầu của anh Đ, chị Ng, chị H2, chị H1, chị H3, cháu N, cháu Ph, cháu Hương.

Về các tài sản và cây cối trên đất có giá trị nhỏ nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu phần đất được chia cho ai được hưởng có tài sản của vợ chồng ông trên đất thì người đó được hưởng, ông không ý kiến gì.

Bị đơn anh Vũ Viết Đ do anh Vũ Viết Ph đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh là con của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị X. Năm 2005, bà Nguyễn Thị X chết không để lại di chúc, di sản của bà X chưa chia.

Di sản của bà X là quyền sử dụng trong 2 thửa đất như ông T đã trình bày ở trên, các thửa đất này hiện nay do ông T quản lý và sử dụng.

Nguồn gốc 2 thửa đất trên là do cả gia đình khai hoang, quản lý, sử dụng và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình vào các năm 2001 và năm 2003. Anh không nhất trí chia 2 thửa đất trên như yêu cầu của ông T, đề nghị chia 2 thửa đất trên cho các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Ông T, bà X, chị Ng, chị H3, chị Hiền, chị N, cháu Hương và anh, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Phần của bà X thì di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật.

Các tài sản trên đất gồm nhà ở, khu chăn nuôi, bếp, cùng một số cây cối trên đất anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là 2 thửa đất nêu trên thành 2 phần, một phần của ông T, phần còn lại của bà X thì chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, chị không đồng ý. Chị yêu cầu chia tài sản là 2 thửa đất trên cho các thành viên trong hộ gia đình như anh Đ, chị H2, chị H1, chị H3, cháu N, cháu Ph, cháu Hương và chị. Phần của bà X chia thừa kế chia theo quy định của pháp luật, chị đề nghị được nhận bằng đất, không đồng ý nhận bằng tiền. Đối với các tài sản, cây cối trên đất, có giá trị nhỏ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị X mất năm 2005 không để lại di chúc, di sản bà X để lại là một phần quyền sử dụng đối với 2 thửa đất tại thôn Đình Gàng, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vũ Viết T. Nay ông T đề nghị Tòa án chia 2 thửa đất trên làm 2 phần, ông T được hưởng 1/2, còn lại 1/2 là của bà X thì chia thừa kế theo pháp luật, chị không đồng ý. Bởi vì, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Luật dân sự, Luật đất đai thì ông T không có quyền được hưởng 1/2 thửa đất như trên. Lúc sinh thời bà X có nói lại bố, mẹ chị cùng nhau lập gia đình và sinh sống ở thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, ông T đi bộ đội từ năm 1959 đến năm 1977 thì về nghỉ chế độ bệnh binh. Khoảng năm 1966 bố, mẹ chị chuyển đến sinh sống lập nghiệp tại xã Vô Tranh đã khai hoang đất trống, đồi hoang. Đến năm 1986 khi nông trường Mai Sơn giải thể anh, em chị đi chăn trâu đã chiếm được 1 số diện tích đất và đã lấy cọc đóng làm hàng

rào để chiếm diện tích như gia đình sử dụng hiện nay. Do vậy 2 thửa đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của hộ gia đình gồm các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ gồm: ông T, bà X, anh Đ, chị Ng, chị H3, chị Hiền, cháu N, cháu Ph, cháu Hướng.

Nay chị đề nghị Tòa án huyện Lục Nam chia thửa đất ở, đất vườn và đất rừng làm 6 phần bằng nhau, cho mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Phần của bà X là di sản thừa kế sẽ chia theo quy định của pháp luật, các tài sản gồm cây cối ở trên đất, chị không có ý kiến gì, ai sử dụng phần tài sản nào trên đất có cây cối thì sẽ được hưởng cây cối đó. Theo bản án của Tòa án tuyên, chia cho chị được hưởng phần tài sản và phải chịu án phí bao nhiêu thì chị sẽ nộp tiền theo bản án.

Chị Vũ Thị Hiền trình bày:

Chị nhất trí với yêu cầu của ông T là phân chia 2 thửa đất trên làm 2 phần, ông T $\frac{1}{2}$, còn $\frac{1}{2}$ là của bà X thì chia thừa kế chia theo của pháp luật. Trong khối tài sản này chị không có công sức đóng góp gì nên chị không yêu cầu phân chia về công sức. Chị tặng cho phần di sản chị được hưởng cho ông T. Các tài sản, cây cối khác trên 2 thửa đất chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Viết Ph, Vũ Viết Hướng trình bày:

Nay anh không nhất trí theo yêu cầu phân chia của cụ T và đề nghị Tòa án chia đều khối tài sản gồm 2 thửa đất trên cho những thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có: cụ T, cụ X, ông Đ, bà Ng, bà H3, bà Hiền, chị N, anh Hướng và anh. Phần tài sản của cụ X được chia là di sản thừa kế, chia theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế bằng đất. Phần công sức của anh Tòa án chia cho anh được hưởng bao nhiêu và phải chịu án phí bao nhiêu thì anh sẽ nộp tiền án phí theo bản án tuyên.

UBND huyện Lục Nam do bà Trần Thị Oanh đại diện theo ủy quyền; UBND xã Vô Tranh do ông Bùi Quang Chúc đại diện trình bày:

Năm 2001, hộ ông Vũ Viết T được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ với diện tích 2610m² trong đó đất ở 400m², đất vườn 2210m². ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam.

Năm 2003, hộ ông Vũ Viết T tiếp tục được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất với diện tích 8684m² ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam.

Về việc trình tự cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho 2 thửa đất trên đều là cấp cho hộ ông Vũ Viết T, đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Về nội dung xác nhận nhân khẩu tại thời điểm cấp GCNQSDĐ của ông Vũ Viết T theo 2 giấy chứng nhận trên: UBND xã Vô Tranh đã có văn bản xác nhận ngày 10/12/2012. Nay UBND huyện Lục Nam không có ý kiến gì khác đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã quyết định:

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, 674, 675 và Điều 676 BLDS năm 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Viết T về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X.

Xác nhận tài sản chung của ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị X là:

Tài sản thứ nhất là 2610m² (kết quả thực đo lại 2594,4m² ngày 14/9/2021) trong đó có 400m² đất ở, 2194,4m² đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai thửa đất rừng có diện tích là 8684m² đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m² để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m² (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m² trị giá 43.686.300đ) tại tờ bản đồ bên bờ, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Tổng giá trị bằng tiền là 1.332.508.000đ + 43.686.300đ = 1.376.194.300đ.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại có tổng giá trị bằng tiền là 688.097.150đ được chia cho các kỹ phần gồm: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1, chị Vũ Thị H3, chị Vũ Thị Hiền, mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau tương ứng với số tiền 114.682.858đ.

Giao cho ông Vũ Viết T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần đất là tài sản của ông T và 1 phần đất là di sản thừa kế của bà X để lại cho ông T, anh Đ, chị Hiền như sau:

* Tài sản thứ nhất: Diện tích 1897,2m² gồm đất ở 326,4m², đất vườn 1570,8m² trị giá 988.459.426đ nằm trong tổng diện tích 2594,4m² (kết quả thực đo ngày 14/9/2021) đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ Bắc tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 45,12m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 7 đến điểm 2 dài 49,45m
- Cạnh phía Nam tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 52,88m
- Cạnh phía Bắc giáp đường đi thôn tính từ điểm 2+3+4+5 dài 31,99m.

* Tài sản thứ 2 là đất rừng (RTS) có diện tích 8684m² năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m² còn 7895,9m² (kết quả thực đo 6240,9m² ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo

quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ tính từ điểm 8+9+10+1 dài 148,87m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 3+4+5 dài 60,59m
- Cạnh phía Nam giáp đường bê tông tính từ điểm 1+2+3 dài 32,49m
- Cạnh phía Bắc tính từ điểm 5+6+7+8 dài 141,64m.

Tổng giá trị tài sản là $988.459.426đ + 43.686.300đ = 1.032.145.726đ$. (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Vũ Viết T có trách nhiệm trả bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà X để lại cho anh Vũ Văn Đ, chị Vũ Thị Hiền mỗi người được hưởng tương ứng với số tiền là 114.682.858đ.

- Ông Vũ Viết T tiếp được quản lý kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Vũ Thị H3 mỗi người được hưởng số tiền là: 114.682.858đ. Tổng số tiền là 344.048.574đ tương ứng với diện tích đất ở, đất vườn là 697,2m². Trong đó có 73,6m² đất ở, còn lại là đất vườn nằm trong tổng diện tích 2594,4m² đất ở, đất vườn đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ số 01820/Qđ- UBND ngày 11/10/2021 mang tên hộ ông Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh như sau:

Phía Đ tính từ điểm 2 đến điểm 7 dài 49,45m

Phía Nam tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 16,33m

Phía Tây tính từ điểm 8+9+1 dài 54,71m

Phía Bắc tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 13,06m.

Nếu sau này chị H1, chị H2, chị H3, có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông T được sử dụng: Các tài sản trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm 12 cây vải trị giá 25.091.000đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, 01 nhà bếp trị giá 1.466.400đ, 01 nhà ở trị giá 8.845.200đ (tài sản do vợ chồng ông T, bà X phát triển được).

Giao cho ông T được sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng anh Đ, chị Ng phát triển được trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm: 127 cây cam trị giá 57.912.000đ, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ và 1924,2m³ đất đỏ trị giá 48.105.000đ san lấp trên diện tích đất rừng của ông T, tổng trị giá 123.461.000đ. Buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho vợ chồng anh Đ, chị Ng tổng giá trị là: 123.461.000đ.

Buộc chị Ng di chuyển toàn bộ cây H1 mai nằm trên diện tích đất rừng 496m² của ông T để trả lại đất rừng cho ông T.

Buộc chị Hiền phải di chuyển 10 cây sưa nằm trên đất rừng của ông T trị giá 1.860.000đ để trả lại đất rừng cho ông T.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và chi phí tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2021 anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị H1, Vũ Thị H3, anh Vũ Viết Ph nộp đơn kháng cáo đề nghị

sửa bản án sơ thẩm, đề nghị chia lại tài sản chung cho những người có tên trong hộ khẩu và chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện cho bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (8 người), chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

+ *VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về giải quyết nội dung vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết kháng cáo: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và những người liên quan, sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn nhận di sản thừa kế của cụ X bằng đất.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí DSPT và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Xét nội dung kháng cáo thì thấy:

[2.1] Về kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung cho những người có tên trong hộ khẩu gia đình thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Vũ Viết T đề nghị chia tài sản chung và được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất 2794,4m² (400m² đất ở, 2394,4m² đất vườn) và $\frac{1}{2}$ của diện tích 5580,5m² đất rừng tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Vũ Viết T, ngoài ra ông không yêu cầu đối với tài sản gì khác. Các đương sự khác trong vụ án không ai có yêu cầu độc lập hoặc yêu cầu phản tố, cũng không đề nghị chia tài sản nào khác.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự thì nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do gia đình ông T sử dụng từ khi Công ty lâm sản Đ Bắc giải thể năm 1986. Năm 2001 và 2003, UBND huyện Lục Nam công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Vũ Viết T đối với các diện tích đất nói trên.

Bị đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng những người được quyền sử dụng đối với diện tích đất này là những người có tên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn xác định các thửa đất được cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông T thực chất là cấp cho vợ chồng ông vì thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con ông đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, chỉ còn ông và bà X sinh sống và sử dụng diện tích đất nêu trên.

HĐXX thấy rằng: Tại trang 87, Quyển 1, Sổ đăng ký hộ khẩu, thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam thì hộ ông T gồm 11 nhân khẩu, ông Vũ Viết Đ là chủ hộ, có các thành viên như sau: Vũ Viết T, sinh năm 1937; Nguyễn Thị X, sinh năm 1939; Vũ Viết Đ, sinh năm 1965; Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964; Vũ Thị H3, sinh năm 1976; Vũ Thị Hiền, sinh năm 1978; Vũ Thị N, sinh năm 1982; Vũ Viết Ph, sinh năm 1983; Vũ Viết Hường, sinh năm 1985; Hồ Thái Sơn, sinh năm 1999; Nguyễn Vũ Huyền Ly, sinh năm 2007. Mặc dù trong sổ hộ khẩu có 11 nhân khẩu như trên nhưng trên thực tế thì:

- Vợ chồng anh Đ, chị Ng cùng các con là N, Ph, Hường sinh sống trên diện tích đất khác, 2 thửa đất này anh Đ đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Viết Đ, cùng thời điểm hộ ông Vũ Viết T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông T và bà X sinh sống trên diện tích đất đang tranh chấp, ông T đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Vũ Viết T.

- Chị Vũ Thị H3 đã lấy chồng không sinh sống cùng ông T và bà X nhưng vẫn có tên trong hộ khẩu cùng.

- Chị Vũ Thị Hiền và cháu Hồ Thái Sơn cũng có tên trong hộ khẩu nhưng sinh sống tại thửa đất khác (bên cạnh 2 thửa đất đang tranh chấp), chị Hiền cũng kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Như vậy, mặc dù có tên trong sổ hộ khẩu nhưng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 3 hộ sinh sống tại 3 thửa đất khác nhau, kê khai và được cấp giấy chứng nhận đối với các thửa đất khác nhau, riêng biệt. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không ai có thắc mắc hoặc khiếu nại gì.

Điều này cho thấy việc ông T, bà X sử dụng thì kê khai cấp cho hộ ông T, hộ anh Đ sử dụng thì kê khai cấp cho hộ anh Đ, chị Hiền kê khai và cấp cho chị Hiền, không liên quan đến nhau.

Từ những căn cứ và nhận định như trên, HĐXX thấy rằng trường hợp này không thể xác định quyền sử dụng đất là của các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật đất đai 2003, khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013 và hướng dẫn tại Điều 4 mục III Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017.

Trường hợp này phải xác định quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông T chỉ thuộc quyền sử dụng của ông T và bà X; 2 thửa được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất mang tên hộ ông Vũ Viết Đ thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đ và các con; thửa đất được cấp giấy chứng nhận cho chị Hiền thì thuộc quyền sử dụng của chị Hiền và cháu Hồ Thái Sơn.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất ở, đất vườn và đất rừng thuộc quyền sử dụng của ông T và bà X là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, đảm bảo việc sử dụng ổn định các thửa đất. Không làm phát sinh thêm các tranh chấp đối với các thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Vũ Viết Đ, chị Vũ Thị Hiền.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về nội dung này. Ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị X mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung nêu trên.

Các đương sự thống nhất đồng ý lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2022 và kết quả định giá tài sản ngày 14/4/2021 để giải quyết vụ án.

- Về đất ở, đất vườn: Ông T, bà X mỗi người được quyền sử dụng 1397,2m² (trong đó có 200m² đất ở và 1197,2m² đất vườn).

- Về đất rừng: Ông T, bà X mỗi người được quyền sử dụng 2.790,25m².

Giá trị phần tài sản chung mỗi người được hưởng: 710.754.000đ

[2.2] Về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X:

[2.2.1] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế Bà Nguyễn Thị X chết năm 2005 không để lại di chúc, năm 2021 ông T yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của bà X. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[2.2.2] Về hàng thừa kế, diện thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất là bà Nguyễn Thị X có 5 người con gồm: Vũ Viết Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị Hiền. Ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ bà X thì đã chết trước bà X. Vì vậy những người thuộc diện thừa kế của bà X gồm có ông T và 5 người con.

[2.2.3]. Về di sản thừa kế:

Như đã nhận định tại phần [2.1], phần di sản của bà Nguyễn Thị X là quyền sử dụng 1397,2m² đất (trong đó có 200m² đất ở và 1197,2m² đất vườn), 2.790,25m² đất rừng thuộc thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Vũ Viết T, ngoài ra không ai có yêu cầu chia di sản nào khác.

[2.2.4]. Về chia di sản:

- Về đất ở, đất vườn: Di sản của bà X là quyền sử dụng 1397,2m² (trong đó 200m² đất ở và 1197,2m² đất vườn) chia đều cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X, mỗi kỹ phần được 232,9m² (trong đó 33,3m² đất ở và 199,5m² đất vườn).

- Về đất rừng: Di sản của bà X là quyền sử dụng 2.790,25m², được chia đều cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X, mỗi kỹ phần được 465m².

Như vậy, mỗi kỹ phần thừa kế của bà X gồm 33,3m² đất ở ($890.000/\text{m}^2 = 29.637.000\text{đ}$); 199,5m² đất vườn ($445.000/\text{m}^2 = 88.792.000\text{đ}$) và 465m² đất rừng

(7.000đ/m² = 3.255.000). Tổng trị giá mỗi kỳ phần thừa kế là 121.684.000đ. (Theo kết quả định giá tài sản ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam)

Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3 cho anh Vũ Viết Đ phần di sản mình được hưởng. Vì vậy, anh Vũ Viết Đ được quyền sử dụng 931,2m² đất ở, đất vườn (trong đó 133,2m² đất ở và 798m² đất vườn) và 1860m² đất rừng.

Chị Vũ Thị Hiền cho ông Vũ Viết T phần di sản thừa kế được hưởng. Vì vậy, tổng cộng ông Vũ Viết T được hưởng phần di sản là quyền sử dụng 465,6m² đất ở, đất vườn (trong đó có 66,6m² ở, 399m² đất vườn) và 930m² đất rừng.

[3] Về kháng cáo đề nghị chia di sản là quyền sử dụng đất bằng hiện vật:

Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3 cho anh Vũ Viết Đ phần di sản mình được hưởng. Vì vậy, tổng diện tích đất ở, đất vườn anh Đ được dùng là 931,2m² đất ở, đất vườn (trong đó 133,2m² đất ở, 798m² đất vườn) và 1860m² đất rừng. Diện tích này đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông T sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của bà X và buộc ông T trích trả cho những người được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là không đúng nguyện vọng, không đảm bảo quyền lợi của những người được hưởng di sản thừa kế.

Vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa án sơ thẩm, giao cho anh Vũ Viết Đ được hưởng phần di sản bằng đất.

[4] Về chi phí tố tụng:

- Ông Vũ Viết T đã nộp 20.819.000đ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản. Ông T xin chịu cả số tiền này, nên HĐXX không xem xét.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Vũ Viết Ph yêu cầu xem xét tại chỗ và thẩm định lại, đo vẽ hiện trạng sử dụng đất hết 12.800.000đ, anh Ph không yêu cầu giải quyết số tiền này nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Viết T là người cao tuổi, anh Vũ Viết Đ là người khuyết tật và có đã đơn xin miễn tiền án phí, vì vậy HĐXX miễn tiền án phí chia tài sản chung và án phí chia thừa kế tài sản cho ông T và anh Đ.

- Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Vũ Thị H3, Vũ Thị Hiền mỗi người phải chịu tiền án phí đối với phần di sản thừa kế mình được hưởng. Tuy nhiên, chị H1, chị H2, chị H3 tặng cho phần di sản mình được hưởng cho anh Đ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho anh Đ nhận chịu cả tiền án phí của các chị H1, H2, H3.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị H1, Vũ

Thị H3, anh Vũ Viết Ph, sửa bản án sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, 674, 675 và Điều 676 BLDS năm 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Viết T về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X.

1. Giao cho ông Vũ Viết T được quyền sử dụng 1.862,2m² đất ở, đất vườn (trong đó 266,6m² đất ở, 1596,2m² đất vườn), địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001, mang tên hộ ông Vũ Viết T.

Giao cho ông Vũ Viết T được quyền sử dụng và 3.720,25m² đất rừng thuộc thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 23/12/2003, mang tên hộ ông Vũ Viết T.

2. Giao cho anh Vũ Viết Đ quyền sử dụng 931,2m² đất ở, đất vườn (trong đó 133,2m² đất ở và 798m² đất vườn), địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001, mang tên hộ ông Vũ Viết T.

Giao cho ông Vũ Viết Đ được quyền sử dụng và 1.860m² đất rừng thuộc thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 23/12/2003, mang tên hộ ông Vũ Viết T.

(có sơ đồ phân chia đất ở, đất rừng kèm theo bản án)

3. Về án phí:

- + Về án phí DSST chia di sản thừa kế:
 - Anh Vũ Viết Đ phải chịu 18.252.600đ.
 - Chị Vũ Thị Hiền phải chịu 6.084.200đ.
- + Về án phí DSPT:
 - H3 trả chị Nguyễn Thị Ng 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013449 ngày 13/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.
 - H3 trả chị Nguyễn Thị H1 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013452 ngày 14/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.
 - H3 trả anh Vũ Viết Ph 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013580 ngày 04/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- THADS tỉnh Bắc Giang
- Toà án nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Ngũ